Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8523.21.90

Mã HS	8523.21.90
Mô tả hàng hóa	Đĩa, băng, các thiết bị lưu trữ bền vững, thể rắn, “thẻ thông minh” và các phương tiện lưu trữ thông tin khác để ghi âm thanh hoặc các nội dung, hình thức thể hiện khác, đã hoặc chưa ghi, kể cả bản khuôn mẫu và bản gốc để sản xuất băng đĩa, nhưng không bao gồm các sản phẩm của Chương 37 / - Phương tiện lưu trữ thông tin từ tính: / - - Thẻ có dải từ: / - - - Loại khác
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	05/11/2026 18:47:43
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/85232190/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	30	30%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K15469
Thuế NK ưu đãi (MFN)	20	20%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N15469
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q15469
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-LA)	0% (trừ LA)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	13,3	13,3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	13,3	13,3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

RCEP (Phụ lục F)	13,3	13,3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	11.4	11,4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	20	20%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	20	20%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	20	20%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	20	20%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E14783
ATIGA	2022	2022	0	AT!E14724
ATIGA	2023	2023	0	AT!F14724
ATIGA	2024	2024	0	AT!G14724
ATIGA	2025	2025	0	AT!H14724
ATIGA	2026	2026	0	AT!I14724
ATIGA	2027	2027	0	AT!J14724
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	1	AJ!E14778
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F14778
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G14778
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H14778

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I14778
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J14778
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E14779
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F14779
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G14779
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H14779
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I14779
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J14779
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F14782
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H14730
AIFTA	30/12/2022	2022	5	AI!F14738
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	5	AI!G14738
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	5	AI!H14738
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	5	AI!I14738
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	5	AI!J14738
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	5	AI!K14738
VKFTA	2022	2022	0	VK!E14769
VKFTA	2023	2023	0	VK!F14769
VKFTA	2024	2024	0	VK!G14769
VKFTA	2025	2025	0	VK!H14769
VKFTA	2026	2026	0	VK!I14769
VKFTA	2027	2027	0	VK!J14769
VCFTA	2022	2022	4	VC!D14824
VCFTA	2023	2023	2	VC!E14824
VCFTA	2024	2024	0	VC!F14824
VCFTA	2025	2025	0	VC!G14824

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H14824
VCFTA	2027	2027	0	VC!I14824
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D14803
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E14803
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F14803
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G14803
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H14803
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I14803
AHKFTA	2022	2022	20	AKH!D14801
AHKFTA	2023	2023	20	AKH!E14801
AHKFTA	2024	2024	20	AKH!F14801
AHKFTA	2025	2025	20	AKH!G14801
AHKFTA	2026	2026	20	AKH!H14801
AHKFTA	2027	2027	20	AKH!I14801
EVFTA	2022	2022	10	EV-NK!D14816
EVFTA	2023	2023	6,6	EV-NK!E14816
EVFTA	2024	2024	3,3	EV-NK!F14816
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G14816
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H14816
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I14816
UKVFTA	2022	2022	10	UKV!D14815
UKVFTA	2023	2023	6,6	UKV!E14815
UKVFTA	2024	2024	3,3	UKV!F14815
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G14815
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H14815
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I14815

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D14808
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E14808
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F14808
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G14808
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H14808
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I14808
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J14808
RCEP A	2022	2022	18,7	RCEPT-A!D14803
RCEP A	2023	2023	17,3	RCEPT-A!E14803
RCEP A	2024	2024	16	RCEPT-A!F14803
RCEP A	2025	2025	14,7	RCEPT-A!G14803
RCEP A	2026	2026	13,3	RCEPT-A!H14803
RCEP A	2027	2027	12	RCEPT-A!I14803
RCEP B	2022	2022	18,7	B!D14803
RCEP B	2023	2023	17,3	B!E14803
RCEP B	2024	2024	16	B!F14803
RCEP B	2025	2025	14,7	B!G14803
RCEP B	2026	2026	13,3	B!H14803
RCEP B	2027	2027	12	B!I14803
RCEP C	2022	2022	20	C!D14803
RCEP C	2023	2023	20	C!E14803
RCEP C	2024	2024	20	C!F14803
RCEP C	2025	2025	20	C!G14803
RCEP C	2026	2026	20	C!H14803
RCEP C	2027	2027	20	C!I14803
RCEP D	2022	2022	20	D!D14802

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	20	D!E14802
RCEP D	2024	2024	20	D!F14802
RCEP D	2025	2025	20	D!G14802
RCEP D	2026	2026	20	D!H14802
RCEP D	2027	2027	20	D!I14802
RCEP E	2022	2022	20	E!D14806
RCEP E	2023	2023	20	E!E14806
RCEP E	2024	2024	20	E!F14806
RCEP E	2025	2025	20	E!G14806
RCEP E	2026	2026	20	E!H14806
RCEP E	2027	2027	20	E!I14806
RCEP F	2022	2022	18,7	F!D14803
RCEP F	2023	2023	17,3	F!E14803
RCEP F	2024	2024	16	F!F14803
RCEP F	2025	2025	14,7	F!G14803
RCEP F	2026	2026	13,3	F!H14803
RCEP F	2027	2027	12	F!I14803
VIFTA	2024	2024	17.1	VI!F13783
VIFTA	2025	2025	14.3	VI!G13783
VIFTA	2026	2026	11.4	VI!H13783
VIFTA	2027	2027	8.6	VI!I13783

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	AHKFTA 20%, RCEP (Phụ lục C) 20%, RCEP (Phụ lục D) 20%, RCEP (Phụ lục E) 20%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (20%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 20%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8523.21 có 2 dòng thuế; dòng 8523.21.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	8523.21.10 Chưa ghi	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8523.21.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 20% của mã 8523.21.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N15469), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.